

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 19/11/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Hòa

2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2019/LTST-HNGĐ ngày 07/3/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà P T T A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 01, khu 3, ấp B, xã X, huyện X, Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông N L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã X, huyện C, Đồng Nai.

- Người làm chứng: Bà N C, sinh năm: 1941.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã X, huyện C, Đồng Nai.

(Bà A có đơn xét xử vắng mặt, ông L và bà C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 29/11/2018, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà P T T A trình bày: Bà và ông L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 1996. Đến năm 1998 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X nay là Ủy ban nhân dân xã Xu, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, ông L có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác, thường hay uống rượu về gây gổ

đánh đập vợ con. Năm 2017 bà có làm đơn khởi kiện ly hôn với ông L tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, sau đó ông L hứa thay đổi nên vợ chồng đoàn tụ bà rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên khi về sống chung ông L không thay đổi. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung Nguyễn Nhật Hào, sinh ngày 03/12/1997 đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019 của ông Nguyễn L trình bày:

Ông Thống nhất với lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn gia đình, con chung như bà A trình bày. Nay bà Anh yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về tài sản chung: diện tích đất khoảng 200m², chưa làm thủ tục tách thửa, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 80m², ông yêu cầu chia đôi tài sản trên và yêu cầu Tòa án cho ông thời hạn 15 ngày để ông thực hiện việc khởi kiện chia tài sản chung, nếu hết thời hạn trên ông không có đơn khởi kiện chia tài sản thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo pháp luật, ông không thắc mắc gì.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có nợ bà N T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai số tiền 150.000.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2019, bà N T trình bày: Bà có cho vợ chồng ông N L và bà P T T A số tiền 150.000.000 đồng. Khi cho vay mượn có viết giấy tay nhưng thời gian lâu quá mất giấy tờ hết. Nay ông L và bà Anh ly hôn, bà không yêu cầu khởi kiện đòi số nợ 150.000.000 đồng trong vụ án này. Sau này nếu phát sinh tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Ngày 07/10/2019 bà có đơn đề nghị không tham gia tố tụng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2019 bà N C là mẹ ruột của anh L cho biết: Ông L, bà A có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân ông L có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nay bà A làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông L, theo bà đó là việc riêng của gia đình ông L và bà A nên bà không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy khai sinh con (bản phô tô); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); quyết định đình chỉ (bản sao); các bản tự khai; biên bản lấy lời khai của đương sự, người làm chứng, biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Tuy nhiên, vụ án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Anh.

Về con chung: Đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét

Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà Anh chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà P T T A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông N L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P T T A và ông N L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996. Đến năm 1998 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo bà Anh thì thời gian đầu sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, ông L có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác, thường hay uống rượu về gây gỗ đánh đập vợ con. Bà có làm đơn khởi kiện ly hôn với ông L tại Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai, sau đó vợ chồng đoàn tụ bà rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên khi về sống chung ông L không thay đổi vẫn còn quan hệ tình cảm với người đàn bà khác, thường uống rượu về gây gỗ đánh đập vợ con. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Ông L cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường hay uống rượu và có đánh bà Anh. Ông và bà Anh sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ, ngoài ra ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với bà Anh.

Tại biên bản lấy lời khai của bà N C là mẹ của ông L cũng xác nhận vợ chồng bà Anh và ông L có mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Anh và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Anh là phù hợp.

[3] Về con chung: Theo bà Anh, ông L trình bày các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung:

Nguyên đơn bà P T T A trình bày tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông N L trình bày vợ chồng ông có tài sản chung là diện tích đất khoảng 200m², chưa làm thủ tục tách thửa, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 80m² tại số 1, khu 3, ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Ông yêu cầu Tòa án cho ông thời gian 15 ngày kể từ ngày 25/4/2019 để thực hiện việc khởi kiện chia tài sản chung, nêu hết thời hạn trên mà ông không có đơn khởi kiện chia tài sản thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, quá thời hạn trên Tòa án đã triệu tập ông L đến làm việc nhiều lần nhưng ông vắng mặt không có lý do, ngoài ra Tòa án cũng đã ban hành Thông báo:17/TB-TA, ngày 15/8/2019 yêu cầu ông L thực hiện thủ tục khởi kiện và tổng đạt hợp lệ cho ông L nhưng ông L không có ý kiến, không thực hiện việc khởi kiện về chia tài sản chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông L trong vụ án này. Ông L có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn bà P T T A trình bày nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông L trình bày có nợ bà N T số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu mỗi bên trả ½ số tiền nợ trên. Tòa án đã triệu tập ông L nhiều lần để làm việc nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo số 17/TB-TA, ngày 15/8/2019 yêu cầu ông L có ý kiến về vấn đề này, tuy nhiên ông L không có ý kiến về nợ chung, ngoài ra bà N T không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án này, đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó Tòa án không đưa bà Tường vào tham gia tố tụng và không xem xét đối với vấn đề nợ chung. Bà N T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà P T T A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 92; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5, 6, 8, 40 của Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P T T A. Bà P T T A được ly hôn ông N L.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà P T T A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P T T A đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 004726 ngày 07/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã X
- (GCNKH số 18/1998);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo